TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 236/2017/HSST
Ngày 24 tháng 8 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thanh Phương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tân

2. Ông Nguyễn Viết Thắng

- Thư ký phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thanh Thủy** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội *tham gia phiên tòa*: **Bà Lê Thị Hồng Hạnh**, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 293/2017/HSST ngày 26 tháng 7 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2017/HSST-QĐ ngày 07 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Đào Văn D. – Sinh năm 1990; ĐKNKTT: X. 3, xã L., huyện H., tỉnh N.; Nơi ở hiện nay: Không cố định; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Con ông: Đào Văn T. và bà Vũ Thị L.; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2006, đi trường giáo dưỡng số 2 Nam Định; Năm 2008, Tòa án nhân dân quận Đ. xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Danh chỉ bản số 299 lập ngày 16/5/2017 tại Công an quận H.; Bị cáo bị tạm giữ ngày 12/5/2017, tạm giam từ ngày 21/5/2017; Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Anh Nguyễn Văn D., sinh năm 1992; Chỗ ở: 423 phố K, phường T., quận H., Hà Nội. (Vắng mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Xuân H., sinh năm 1961; trú tại: 8.11 – C3 – F5, số 112 phố T., phường Y., quận C., Thành phố Hà Nội. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 01/2017, Đào Văn D. và anh Nguyễn Văn D. cùng làm công nhân tại công trường xây dựng số 423 phố K, phường T., quận H., Hà Nội.

Ngày 20/4/2017, anh D. về quê nên gửi chiếc xe máy Honda Wave BKS: 29P1-356.97 cho chị Nguyễn Thị T. là người nấu cơm ở công trường trông giữ. Sau khi anh D. về quê, D. mượn chị T. chiếc xe máy trên của anh D. đi mua đồ dùng cá nhân. Do không có xe máy sử dụng nên D. nảy sinh ý đồ chiếm đoạt chiếc xe. Duy đi xe máy của anh D. đến cửa hàng số 377 phố M. đánh 01 chìa khóa điện của xe máy này. Sau đó, D. đi xe máy về công trường trả cho chị Thanh. Ngày 05/5/2017, D. xin nghỉ việc và chuyển về phố H., phường C., quận Đ., Hà Nội làm thợ xây cho chủ khác.

Khoảng 09h ngày 10/5/2017, anh D. dựng xe máy Honda Wave BKS 29P1-356.97 ở lán công trường 423 phố K, phường T., quận H., Hà Nội để đi làm việc. D. đi xe buýt đến công trường với mục đích trộm cắp chiếc xe máy của anh D.. Sau khi quan sát thấy không có người trông giữ nên D. dùng chiếc chìa khóa đánh sẵn mở khóa xe và điều khiển xe đi về phố H., phường C., quận Đ., Hà Nội. Khi đi đến Nhà văn hóa H. 5, phường C., quận Đ., Hà Nội, D. bị Tổ công an 113 số 2 – Phòng CSTT Công an thành phố Hà Nội dừng xe kiểm tra hành chính. Quá trình kiểm tra, D. không xuất trình được đăng ký xe. Tổ công tác đưa D. về trụ sở Công an phường C. làm việc, sau đó bàn giao cho Công an phường T. giải quyết. Sau khi phát hiện bị mất trộm xe máy, anh D. đã đến Công an phường T. trình báo.

Cơ quan Công an đã thu giữ của Đào Văn D. 01 chìa khóa xe máy và 01 chứng minh nhân dân mang tên Đào Văn D..

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 76/KL-HĐĐGTS ngày 28/6/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận H. kết luận: Giá trị chiếc xe máy cần định giá theo Quyết định trưng cầu định giá số 98/ĐTTH ngày31/5/2017 của Phó thủ trưởng cơ quan cảnh sát điều tra là 12.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Đào Văn D. đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình như đã nêu trên.

Quá trình điều tra xác định chiếc xe máy Honda Wave BKS 29P1-356.97 thu giữ của Đào Văn Duy có chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Xuân H. (SN 1961, HKTT: 8.11 – C3 – F5, số 112 phố T., phường Y., quận C., Thành phố Hà Nội). Ngày 31/01/2016, anh H. ký hợp đồng cho anh D. thuê chiếc xe này với giá 120.000 đồng/ngày. Qua xác minh nhận thấy chiếc xe máy này không nằm trong dữ liệu xe tang vật, giám định số khung, số máy là nguyên thủy. Do vậy, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trao trả anh Nguyễn Văn D. chiếc xe máy trên, anh D. và anh H. không có yêu cầu gì khác.

Tại bản Cáo trạng số 234/CT/VKS-HS ngày 24/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng đã truy tố bị cáo Đào Văn D. về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung đã nêu trên.

Người bị hại anh Nguyễn Văn D. và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Xuân H. đã được triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa

nhưng vắng mặt không có lý do, các anh đã có đầy đủ lời khai tại cơ quan điều tra, đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử bình thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H. tham gia phiên tòa sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo, đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đào Văn D. mức án từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận H., thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận H. trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09h ngày 10/5/2017, tại công trường số 423 phố M., phường T., quận H., Hà Nội, Đào Văn D. đã lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe máy kiểu dáng Honda Wave, BKS 29P1-356.97, SM: 1190047, SK: 19587, trị giá 12.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn D..

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, mục đích là tư lợi. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân quận H. truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu: Năm 2006,bị đi trường giáo dưỡng số 2 Nam Định; Năm 2008, bị cáo bị Tòa án nhân dân quận Đ. xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số 09/2008/HSST ngày 08/8/2008. Mặc dù bản án này đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân, sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương đã không

tu dưỡng trở thành công dân có ích cho xã hội mà lại tiếp tục phạm tội, thể hiện rõ sự coi thường pháp luật.

Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét: tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tài sản đã thu hồi trả lại người bị hại, người bị hại không có yêu cầu bồi thường dân sự và đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Chiếc chìa khóa xe máy thu giữ của bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy; trả lại cho bị cáo 01 chứng minh nhân dân mang tên Đào Văn D..

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo **Đào Văn D.** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Đào Văn D.** 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/5/2017.

Áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo việc thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 chìa khóa xe máy, trả lại cho bị cáo 01 chứng minh nhân dân mang tên Đào Văn D.. Vật chứng hiện đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H., thành phố Hà Nội theo Biên bản giao nhận tang vật, vật chứng số TV284/17 ngày 14/7/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận H. và Chi cục Thi hành án dân sự quận H..

4. Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Áp dụng các điều 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận :
- Bị cáo;
- Viện kiểm sát ND Q. H.;
- Công an Q. H.;
- Chi cục THADS Q. H.;
- Tòa án NDTP Hà Nội;
- Viện kiểm sát ND TP Hà Nội;
- UBND xã L., huyện H., tỉnh N.;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Phương